

께서

tiểu từ chủ ngữ — kính ngữ

Dạng tôn kính thay cho 이/가. Khi đã dùng nó thì phần còn lại của câu cũng phải theo: động từ cũng phải ở dạng kính ngữ.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Chủ ngữ kính ngữ	께서	선생님께서 오셨어요
Làm chủ đề	께서는	부모님께서서는 부산에 계세요
Cũng	께서도	사장님께서도 아세요
Động từ phải tương ứng	-(으)시-	가시다, 오시다, 하시다
Động từ đặc biệt	계시다, 드시다, 주무시다	할아버지께서 주무세요
Không bao giờ dùng cho bản thân	dùng 제가	제가 하겠습니다 — không phải 저께서

Khi nào dùng

께서 đánh dấu chủ ngữ khi chủ ngữ đó đáng được tôn trọng — thầy cô giáo, cha mẹ, ông bà, sếp, khách hàng. Nó thay thế cho 이/가 và không bao giờ đi cùng với nó.

Điều quan trọng là những gì nó bắt buộc theo sau. Kính ngữ tiếng Hàn đi thành bộ: khi chủ ngữ đã được tôn kính bằng 께서, động từ cần có -(으)시-, và một số động từ chuyển sang dạng đặc biệt — 있다 thành 계시다, 먹다 thành 드시다, 자다 thành 주무시다. 할아버지께서 주무세요.

Một quy tắc tuyệt đối: không bao giờ dùng cho bản thân. Kính ngữ để nâng người khác lên, nên không tồn tại 저께서 hay 제가께서. Khi nói về gia đình mình với người ngoài, tiếng Hàn cũng có xu hướng hạ mức kính ngữ, nên 께서 với 우리 엄마 có thể nghe không hợp trong tình huống đó.

Ví dụ trong câu

- 1 선생님께서 말씀하셨습니다.
Thầy giáo đã nói như vậy.
- 2 할머니께서 편찮으세요.
Bà tôi không được khỏe.
- 3 부모님께서 오셨어요.
Bố mẹ tôi đã đến rồi.
- 4 사장님께서서는 지금 안 계세요.
Giám đốc hiện không có ở đây.
- 5 아버지께서도 같이 가세요.
Bố tôi cũng đi cùng.
- 6 교수님께서 추천해 주셨어요.
Giáo sư đã giới thiệu cho tôi.

So sánh với

이/가

Cùng chức năng ngữ pháp, khác mức độ tôn trọng. Dùng 이/가 với động từ kính ngữ là được và phổ biến trong văn nói thường ngày; 께서 nâng mức trang trọng của cả câu.

선생님이 오셨어요. (thường ngày) / 선생님께서 오셨습니다. (trang trọng)

께

께서 đánh dấu người được tôn kính là người thực hiện hành động; 께 đánh dấu họ là người nhận. Khác nhau một âm tiết, vai trò ngược nhau.

선생님께서 주셨어요. (thầy giáo đã cho) / 선생님께 드렸어요. (tôi đã biếu thầy giáo)

은/는

Để biến chủ ngữ tôn kính thành chủ đề, thêm 는 vào sau 께서 chứ không thay thế nó. Kết quả là 께서는.

부모님께서서는 서울에 계세요. / không phải 부모님은께서

Lưu ý

- X 선생님께서 왔어요.
O 선생님께서 오셨어요.
Kính ngữ đi thành bộ. Khi 께서 đã đánh dấu chủ ngữ, động từ cần có -(으)시-. Không tương ứng nghe còn tệ hơn là không dùng kính ngữ.
- X 저께서 하겠습니다.
O 제가 하겠습니다.
Kính ngữ nâng người khác lên, không bao giờ nâng người nói. Với bản thân, dùng 제가 và để đuôi động từ thể hiện sự lịch sự.
- X 선생님께서 책을 드렸어요.
O 선생님께 책을 드렸어요.
드리다 nghĩa là người nói biếu cho người trên, nên thầy giáo là người nhận và dùng 께. Dùng 께서 sẽ biến thầy giáo thành người cho.